

Số: 2984 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất ở tại Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 155 lô đất ở tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (giai đoạn 1); Khu tái định cư thôn Chánh Oai, Khu tái định cư thôn Tân Thắng xã Cát Hải, huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 364/TTr-STC ngày 04/8/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 27/7/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất ở tại Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát; chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TP;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH GIÁ KHỞI ĐIỂM 49 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ THÔN CHÁNH OAI, XÃ CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
I	Khu ĐO-1	6								
1	Lô số 11	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
2	Lô số 12	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
3	Lô số 13	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
4	Lô số 14	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
5	Lô số 15	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
6	Lô số 16	1	200,0	ĐO-01	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
II	Khu ĐO-2	28								
1	Lô số 01	1	187,5	ĐO-02	Đường ĐS2 và Đường ĐS3	14 và 14	4.800.000	4.560.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	Lô số 02	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
3	Lô số 03	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
4	Lô số 04	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
5	Lô số 05	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
6	Lô số 06	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
7	Lô số 07	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
8	Lô số 08	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
9	Lô số 09	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
10	Lô số 11	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
11	Lô số 12	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
12	Lô số 13	1	237,5	ĐO-02	Đường ĐS2 và Đường ĐS1	14 và 16	5.400.000	5.130.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
13	Lô số 16	1	237,5	ĐO-02	Đường ĐS1 và Đường ĐS3	16 và 14	5.400.000	5.130.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
14	Lô số 17	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
15	Lô số 18	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
16	Lô số 19	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
17	Lô số 20	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
18	Lô số 21	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
19	Lô số 22	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
20	Lô số 23	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
21	Lô số 24	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
22	Lô số 25	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
23	Lô số 26	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
24	Lô số 27	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
25	Lô số 28	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
26	Lô số 29	1	200,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
27	Lô số 30	1	175,0	ĐO-02	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
28	Lô số 31	1	184,5	ĐO-02	Đường ĐS3	14 và 14	4.800.000	4.560.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
III	Khu ĐO-3	14								
1	Lô số 01	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
2	Lô số 02	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
3	Lô số 03	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
4	Lô số 04	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
5	Lô số 05	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
6	Lô số 06	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
7	Lô số 07	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
8	Lô số 08	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
9	Lô số 09	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
10	Lô số 10	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
11	Lô số 11	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
12	Lô số 12	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
13	Lô số 13	1	200,0	ĐO-03	Đường ĐS3	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
14	Lô số 15	1	287,5	ĐO-03	Đường ĐS3 và Đường ĐS1	14 và 16	5.400.000	5.130.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
IV	Khu ĐO-4	1								
1	Lô số 01	1	253,75	ĐO-04	Đường ĐS2	14	4.000.000	3.800.000	-5%	
Tổng cộng		49	9.963,3							